

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25-9-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Liễu

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thụy Vân Hà.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 589/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1976; thường trú: Xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Tổ 10 (tổ 4 cũ), khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2/ Bị đơn: Anh Hoàng Văn X, sinh năm 1973; thường trú: Xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Tổ 10 (tổ 4 cũ), khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Hoàng Văn X có thời gian tìm hiểu khoảng 01 tháng thì tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống

hạnh phúc được 01 thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh X hay uống bia, rượu bị say rồi chửi, đánh, xúc phạm chị H. Năm 2015, chị H làm đơn yêu cầu ly hôn, sau khi được Tòa án nhân dân thị xã D hòa giải, anh X hứa thay đổi nên chị đã rút đơn về. Tuy nhiên, anh X vẫn không thay đổi. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa chị với anh X.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh X và chị H có 02 con chung tên Hoàng Phạm Thảo N, sinh ngày 17/12/2006 và Hoàng Phạm Thảo V, sinh ngày 18/8/2008, hiện nay đang sống cùng anh chị. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, tự nguyện không yêu cầu anh X cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Hoàng Văn X:* Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 19/8/2019 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên tòa vào các ngày 04/9/2019 và 25/9/2019 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn và bị đơn chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng, do đó Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp ly hôn là chưa phù hợp.

Đối với các yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Nguyên đơn có yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng và có tranh chấp về nuôi con nên đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội X về thi hành Luật hôn nhân và gia đình.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 04/9/2019 và 25/9/2019 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Hoàng Văn X chung sống với nhau từ năm 2006, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “*Việc đăng ký kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch*”. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh X không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội X về thi hành Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị H, không công nhận chị Phạm Thị H và anh Hoàng Văn X là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Phạm Thảo N, sinh ngày 17/12/2006 và Hoàng Phạm Thảo V, sinh ngày 18/8/2008. Khi giải quyết việc giao con cho ai nuôi, Tòa án cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, các cháu đều là con gái đang trong giai đoạn phát triển về tâm sinh lý nên cần sự chăm sóc, quan tâm từ mẹ nhiều hơn; đồng thời các cháu có nguyện vọng được sống cùng mẹ; quá trình tố tụng, anh X không có ý kiến gì về việc chị H yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung. Căn cứ vào các Điều 15, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giao các con chung cho chị Hương trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị H tự nguyện không yêu cầu anh Hoàng Văn X cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị H nên Tòa án ghi nhận.

[2.4] Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát về nội dung vụ án là phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận. Đề nghị về quan hệ pháp luật của Viện kiểm sát là chưa phù hợp nên không chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội X về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị H về tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn anh Hoàng Văn X.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị H với anh Hoàng Văn X.

1.2 Về con chung: Anh Hoàng Văn X giao con chung tên Hoàng Phạm Thảo N, sinh ngày 17/12/2006 và Hoàng Phạm Thảo V, sinh ngày 18/8/2008 cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Phạm Thị H và anh Hoàng Văn X đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

1.3 Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị H không yêu cầu anh Hoàng Văn X cấp dưỡng nuôi con.

1.4 Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0028782 ngày 25/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- CCTHA DS thị xã Dĩ An (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Liễu

